TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Thành**

2. Bà **Phan Thị Bích**

Thư ký phiên toà: Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Linh Đan** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trịnh Thị Thanh H**, sinh năm 1982.

*** Bị đơn:** Ông **Trần Khánh T**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Trịnh Thị Thanh H có nội dung như sau:**

Bà và ông Trần Khánh T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thiện, huyện H. T (cũ). Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bà sống chung không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, đời sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Ông T không có trách nhiệm với gia đình. Hằng ngày, ông T đi làm về rồi giao du, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt say sỉn đến tối mới về, không chia sẻ công việc gia đình cùng bà H, không phụ giúp bà chăm sóc, nuôi dạy con. Khi bà có ý kiến thì vợ chồng lại cãi nhau làm cho không khí gia đình không êm ấm. Trong những lúc cãi nhau, ông T còn dùng những lời lẽ thô tục, thiếu văn hóa để xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà, làm bà bị tổn thương nặng nề. Bên cạnh đó, ông T còn có tính ghen tuông vô cớ và không tin tưởng bà. Mọi quan hệ xã hội của bà đều bị ông T hoài nghi. Mọi lời giải thích của bà không có giá trị với ông T. Vì thương các con và mong muốn níu giữ hạnh phúc gia đình, bà H rất nhiều lần khuyên bảo, cho ông T cơ hội sửa đổi nhưng không có kết quả. Hiện tại, mặc dù bà và ông T sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc hoặc cùng nhau chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Bà H nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông T nay đã không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Khánh T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung: Trần Khánh H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/10/2005; Trần Khánh H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2010. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 3.000.000 đồng/tháng.

*** Bị đơn: Ông Trần Khánh T:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Theo kết quả xác minh của địa phương: Bà Trịnh Thị Thanh H và ông Trần Khánh T có địa chỉ tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Quá trình sinh sống vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng bà H ông T và các con ông bà vẫn sống chung nhà.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thanh H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn ông T;

Về con chung: Giao cho bà Trịnh Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh H, sinh ngày 12/10/2005; Trần Khánh H, sinh ngày 15/3/2010; Buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con 3.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Bà H và ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Thanh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bị đơn ông Trần Khánh T có địa chỉ tại khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Khánh T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trịnh Thị Thanh H và ông Trần Khánh T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thiện, huyện H. T (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 14/01/2005, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông T vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Trần Khánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông T bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà H, ông T thì mạnh ai nấy sống. Hơn nữa, bà H khai vào năm 2022 bà đã nộp đơn ly hôn ông T. Sau đó, ông T có hứa sửa đổi nên bà đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án nhân dân thị xã L đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Thời gian sau này ông T vẫn không thay đổi, bà và ông T vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, giữa bà H và ông T đã không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẽ những buồn vui trong cuộc sống nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, qua xác minh tại địa phương thì bà H và ông T sống chung có xảy ra mâu

thuẫn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Thanh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:**

2.2. **Về con chung:** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh H và Trần Khánh H. Lời khai của hai cháu cũng yêu cầu được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất nên giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/10/2005; Trần Khánh H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2010 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (tức mỗi con 1.500.000 đồng/tháng). Xét yêu cầu của bà H về cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy: Mức cấp dưỡng phải được căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy ông T có việc làm ổn định và hiện nay ông làm thợ hồ, thu nhập 400.000 đồng/ngày, như vậy ông T có thu nhập đảm bảo việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/01 con, tức 02 con là 3.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, buộc ông Trần Khánh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu: Trần Khánh H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/10/2005; Trần Khánh H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2010 mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

3.4. **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn; Ông Trần Khánh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Thanh H được ly hôn ông Trần Khánh T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho bà Trịnh Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Trần Khánh H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/10/2005; Trần Khánh H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2010.

Buộc ông Trần Khánh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung: Trần Khánh H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/10/2005; Trần Khánh H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2010, mức cấp dưỡng mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (tức 02 con 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016416 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Khánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho bà H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2023). Riêng bị đơn ông Trần Khánh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND p. T.Th;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn